

Số: **13** /2016/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **21** tháng **3** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
của tỉnh Quảng Ngãi**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV ĐẾN	Số:..... 2044
	Ngày: 22/3/16
	Chuyên:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18/06/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHHCN ngày 27/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 23/2014/TT-BKHHCN ngày 19/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 10/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN, ngày 04/10/2006 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ khoán kinh phí đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN, ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 991/TTr-SKHCN ngày 31/12/2015 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 266/BC-STP ngày 10/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 24/2009/QĐ-UBND ngày 18/5/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ pháp chế, Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT(VX) UBND tỉnh;
- Đài phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, Vxhmy122



Trần Ngọc Căng

QUY ĐỊNH

Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Quảng Ngãi

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2016/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định việc tổ chức xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, thẩm định, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH-CN) cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có tham gia vào hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ.

2. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là các yêu cầu đặt ra cho khoa học và công nghệ dưới dạng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nhằm thực hiện yêu cầu của lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc đáp ứng nhu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển khoa học và công nghệ cho các ngành, địa phương do các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan nhà nước khác trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là sở, ban, ngành và địa phương) đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) để đặt hàng các tổ chức và cá nhân thực hiện.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bao gồm: Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh, đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh, đề án khoa học cấp tỉnh, dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh.

3. Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có mục tiêu chung giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trung hạn hoặc dài hạn thuộc

phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh. Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được triển khai dưới hình thức tập hợp các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ).

4. Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh được xây dựng dựa trên cơ sở yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực tiễn công tác quản lý nhà nước, phát triển khoa học và công nghệ của các sở, ban ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5. Đề án khoa học cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ để hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

7. Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ phát triển sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực kinh tế thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, được triển khai dưới hình thức đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh, dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ.

8. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh là đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ tập trung nghiên cứu giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ đòi hỏi tính ứng dụng cao và có triển vọng tạo ra, phát triển hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm mới thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm của tỉnh.

9. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng là đề tài, dự án; đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ hoặc chương trình có tên gọi và các mục thể hiện yêu cầu cơ bản đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ làm căn cứ để Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng cho tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

10. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn.

11. Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước

1. Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh

- Có mục tiêu tạo ra kết quả khoa học và công nghệ phục vụ một trong các định hướng lớn sau: phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong một hoặc một số lĩnh vực; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực hoặc phục vụ chương trình, mục tiêu của tỉnh.

- Kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình.

- Nội dung bao gồm các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có quan hệ trực tiếp và gián tiếp với nhau về chuyên môn và phù hợp với nguồn lực khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Thời gian thực hiện của Chương trình không quá 10 năm, tính từ thời điểm phê duyệt, trong đó thời gian thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cụ thể phải phù hợp với quy định đối với từng loại nhiệm vụ.

2. Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh

a) Đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật (gọi tắt là đề tài ứng dụng và phát triển công nghệ) phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến tạo ra phải có địa chỉ ứng dụng cụ thể hoặc có khả năng thương mại hóa và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

- Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

c) Đối với đề tài trong các lĩnh vực khác: Sản phẩm khoa học và công nghệ đảm bảo tính mới, có ý nghĩa đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội của tỉnh.

d) Thời gian thực hiện đề tài không quá 36 tháng tính từ ngày ký kết Hợp đồng khoa học và công nghệ.

3. Đề án khoa học cấp tỉnh

- Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước tại địa phương.

- Thời gian thực hiện đề án không quá 24 tháng tính từ ngày ký hợp đồng khoa học và công nghệ.

4. Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ thử nghiệm là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích.

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến và các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật tương ứng phù hợp với trình độ của ngành, lĩnh vực sản xuất đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển ở quy mô sản xuất hàng loạt.

- Tổ chức chủ trì dự án phải cam kết khả năng huy động nguồn kinh phí tự có hoặc thông qua sự hợp tác với các doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

- Thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm không quá 36 tháng tính từ ngày ký hợp đồng khoa học và công nghệ.

5. Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh

- Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư phát triển sản xuất; áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế của tỉnh.

- Các sản phẩm khoa học và công nghệ và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng đảm bảo sự gắn kết và tính đồng bộ theo quy trình sản xuất hoặc chuỗi thời gian.

- Có phương án huy động được nguồn kinh phí để thực hiện thông qua sự cam kết hợp tác với doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước.

- Có tiến độ phù hợp với tiến độ dự án đầu tư sản xuất.

- Thời gian thực hiện không quá 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng khoa học và công nghệ.

6. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh

- Có khả năng tạo ra những hướng nghiên cứu mới hoặc có khả năng tạo sản phẩm mới thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm của tỉnh.

- Có tính ứng dụng cao và triển vọng áp dụng trong sản xuất và đời sống.

- Thời gian thực hiện không quá 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng khoa học và công nghệ.

Điều 4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất

1. Khi phát sinh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất do Lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao, đơn vị được giao nhiệm vụ gửi hồ sơ (theo

quy định) về Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đặt hàng thực hiện nhiệm vụ theo phương thức giao trực tiếp.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất phục vụ công tác quản lý nhà nước được ưu tiên thực hiện trước các nhiệm vụ khác. Quy trình phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất được tiến hành ngay khi có yêu cầu, không phụ thuộc kế hoạch khoa học và công nghệ của năm. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm làm việc với các cơ quan liên quan để ưu tiên phân bổ kinh phí sau khi thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt.

Chương II

ĐỀ XUẤT, XÁC ĐỊNH DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 5. Căn cứ để xây dựng đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nghị quyết của Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 05 năm hoặc 10 năm đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Các yêu cầu của lãnh đạo: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hoặc thực tiễn công tác quản lý nhà nước của tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp.

4. Những vấn đề khoa học và công nghệ quan trọng thực tiễn phát sinh nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

Điều 6. Nguyên tắc xây dựng đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Có đủ căn cứ về tính cấp thiết, giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ và có tầm quan trọng đối với sự phát triển của ngành, địa phương; kết quả tạo ra có ý nghĩa đối với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội trong phạm vi của tỉnh.

2. Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện tại địa phương.

3. Có địa chỉ ứng dụng cụ thể cho các kết quả chính tạo ra. Các sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp ứng dụng kết quả dự kiến có đủ năng lực và uy tín để tiếp nhận và triển khai một cách hiệu quả sản phẩm tạo ra.

4. Đáp ứng các yêu cầu tại Điều 3 Quy định này đối với từng loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 7. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Định kỳ hoặc theo tính cấp thiết, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản hoặc làm việc trực tiếp (trong trường hợp cần thiết) về định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của tỉnh và thời hạn để các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân được thực hiện (theo mẫu).

2. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, đánh giá sơ bộ về tính cấp thiết và khả thi của đề xuất đặt hàng; tổng hợp thành danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các tổ chức, cá nhân đề xuất theo từng lĩnh vực nghiên cứu để hình thành các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trường hợp cần thiết tổ chức các nhóm chuyên gia bao gồm các nhà khoa học, các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách, đại diện doanh nghiệp đề tư vấn) đưa ra lấy ý kiến Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 8. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (gọi tắt là Hội đồng) theo chuyên ngành khoa học và công nghệ phù hợp với lĩnh vực của đề xuất đặt hàng.

2. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ có từ 09 đến 11 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu cần), 02 ủy viên phản biện, các ủy viên và 01 ủy viên thư ký khoa học. Cơ cấu Hội đồng gồm:

a) 1/2 thành viên là người có chuyên môn phù hợp, am hiểu trong lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan.

b) 1/2 thành viên là đại diện các cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức sản xuất - kinh doanh, doanh nghiệp và tổ chức khác có liên quan hoặc dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu.

3. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của đề xuất đặt hàng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định mời mở rộng số lượng và thành phần hội đồng khác với quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch hội đồng ủy quyền và phải đầy đủ thành viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học.

5. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

6. Đại diện các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể được mời tham dự phiên họp của Hội đồng.

7. Hội đồng thảo luận, phân tích từng nhiệm vụ trong Danh mục với các tiêu chí sau: tính cấp thiết, tính mới, khả năng không trùng lặp, tính khả thi và khả năng ứng dụng, khả năng huy động nguồn lực ngoài ngân sách (đối với các dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ).

8. Các thành viên Hội đồng đánh giá các đề xuất và bỏ Phiếu đánh giá đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo mẫu). Phiếu hợp lệ là phiếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu hướng dẫn trên phiếu.

9. Trên cơ sở kết quả phiếu đánh giá của các thành viên, nhiệm vụ KH-CN được Hội đồng đề nghị đưa vào Danh mục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện nêu trên 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu "đề nghị thực hiện". Hội đồng thảo luận cụ thể để biểu quyết thống nhất về tên nhiệm vụ, mục tiêu, sản phẩm dự kiến đạt được và phương thức tổ chức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp), kể cả kiến nghị tổ chức phối hợp thực hiện và việc mời chuyên gia cùng tham gia nghiên cứu giải quyết nhiệm vụ trong trường hợp cần thiết của từng nhiệm vụ KH-CN; biểu quyết để sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong danh mục nhiệm vụ đề xuất đặt hàng.

10. Đối với các nhiệm vụ đề nghị không thực hiện, Hội đồng thảo luận cụ thể để biểu quyết thống nhất về lý do đề nghị không thực hiện.

11. Kết quả đánh giá, tư vấn xác định nhiệm vụ được ghi vào biên bản họp Hội đồng (theo mẫu).

Điều 9. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trên cơ sở kết quả của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp cần thiết Sở Khoa học và Công nghệ có thể lấy ý kiến chuyên gia độc lập hoặc ý kiến của các cơ quan liên quan trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (<http://skh.quangngai.gov.vn>).

Chương III

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 10. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nguyên tắc chung:

a) Việc tuyển chọn, giao trực tiếp phải đảm bảo công khai, khách quan; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng, trừ các nhiệm vụ thuộc bí mật quốc gia và đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng.

b) Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện thông qua hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (gọi tắt là hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập.

c) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi có ý kiến tư vấn của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có quyền lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Việc đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được tiến hành thông qua Hội đồng tư vấn quy định tại Điều 15 của Quy định này.

đ) Mỗi cá nhân chỉ được đăng ký chủ nhiệm một (01) nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Khuyến khích việc hợp tác thực hiện giữa các tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn nhằm huy động được tối đa nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Nguyên tắc tuyển chọn:

a) Đáp ứng các nguyên tắc chung quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Tuyển chọn được áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện.

c) Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác. Thông báo trực tiếp đến một số tổ chức, cá nhân có khả năng đăng ký tham gia tuyển chọn.

Thời hạn để tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn chuẩn bị hồ sơ đăng ký là 45 ngày kể từ ngày đăng thông báo.

3. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao trực tiếp phải đáp ứng một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Luật Khoa học và Công nghệ và đảm bảo các nguyên tắc chung quy định tại Khoản 1 Điều này.

Giao trực tiếp được thực hiện bằng hình thức gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân được chỉ định để yêu cầu chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Thời hạn để tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp chuẩn bị hồ sơ là 30 ngày kể từ ngày phát hành văn bản thông báo.

Điều 11. Điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trừ một trong các trường hợp sau đây:

a) Đến thời điểm nộp hồ sơ chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trước đây.

b) Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu trên 30 ngày mà không có ý kiến chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ sẽ không được tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp trong thời hạn một (01) năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

c) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc sau khi kết thúc mà không triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và yêu cầu của bên đặt hàng, không được đăng ký tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian ba (03) năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

d) Không thực hiện nghĩa vụ đăng ký, nộp lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; không báo cáo ứng dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định sẽ không được đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian hai (02) năm.

2. Đối với cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

a) Có trình độ đại học trở lên.

b) Có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp và đang hoạt động trong cùng lĩnh vực khoa học và công nghệ với nhiệm vụ trong 03 năm gần đây, tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

c) Là người chủ trì hoặc tham gia chính xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Có khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, xét giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang làm chủ nhiệm từ hai (02) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trở lên thực hiện tại Quảng Ngãi.

b) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh chậm theo quy định hiện hành từ 30 ngày đến 6 tháng mà không có ý kiến chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian hai (02) năm.

c) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” mà không được Sở Khoa học và Công nghệ gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả hoặc được gia hạn nhưng hết thời hạn cho phép vẫn chưa hoàn thành kết quả sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn ba (03) năm kể từ thời điểm có kết luận của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh.

d) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bao gồm:

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).

2. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ và gửi kèm theo kết quả đánh giá hoạt động hàng năm của tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có).

5. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký Chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân đăng ký thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự.

6. Lý lịch khoa học của chuyên gia kèm theo giấy xác nhận về mức lương chuyên gia (trường hợp thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung thuê chuyên gia khoa học).

7. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).

8. Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực khoa học và công nghệ, trang thiết bị của đơn vị phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện (trường hợp có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác).

9. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật phải có vốn đối ứng: văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước.

10. Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm để thực hiện nhiệm vụ (trường hợp thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung mua, thuê tài sản, trang thiết bị, nguyên vật liệu).

Các biểu mẫu do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 13. Nội hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp gồm một (01) bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và 01 bản điện tử của hồ sơ ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không đặt mật khẩu).

2. Hồ sơ phải được niêm phong và bên ngoài ghi rõ: tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì và tổ chức tham gia phối hợp thực hiện (chỉ ghi danh sách tổ chức đã có xác nhận tham gia phối hợp); họ tên của cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ; danh mục tài liệu; văn bản có trong hồ sơ.

3. Hồ sơ phải nộp đúng hạn theo thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Ngày nhận hồ sơ được tính là ngày ghi ở dấu của bưu điện (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc dấu đến của Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (trường hợp gửi trực tiếp). Khi chưa hết thời hạn nộp hồ sơ, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp có quyền rút hồ sơ, thay hồ sơ mới, bổ sung hoặc sửa đổi hồ sơ đã nộp. Việc thay hồ sơ mới và bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định; văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

Điều 14. Mở và kiểm tra xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ.

2. Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ được chuẩn bị theo đúng các biểu mẫu và đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 13 của Quy định này.

3. Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản (theo mẫu).

Điều 15. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (gọi tắt là Hội đồng). Hội đồng có từ 09 đến 11 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch (nếu cần), hai thành viên là ủy viên phản biện, các thành viên khác, ủy viên thư ký khoa học và cơ cấu Hội đồng gồm:

a) 2/3 thành viên là người có chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) 1/3 thành viên là đại diện của cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức có liên quan.

2. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp:

a) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Các ủy viên, ủy viên phản biện đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương ứng.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức họp Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cử các thư ký hành chính giúp việc cho các Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp.

5. Các thành viên Hội đồng thực hiện đánh giá độc lập, trung thực, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá tuyển chọn, giao trực tiếp.

6. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học. Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp Hội đồng. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền bằng văn bản chủ trì phiên họp.

7. Hội đồng đánh giá, chấm điểm độc lập từng hồ sơ theo các nhóm tiêu chí và thang điểm quy định. Các nhóm tiêu chí đánh giá do Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng theo thang điểm tối đa 100 điểm vận dụng Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN, ngày 19/9/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

8. Nguyên tắc chấm điểm đánh giá tổ chức và cá nhân trúng tuyển, giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Tổ chức, cá nhân được hội đồng đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp là tổ chức, cá nhân có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm).

b) Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì điểm cao hơn của chủ tịch hội đồng (hoặc điểm cao hơn của phó chủ tịch hội đồng được ủy quyền trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt) được ưu tiên để xếp hạng.

9. Hội đồng thông qua Biên bản về kết quả làm việc của Hội đồng, kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Biên bản phải ghi rõ kiến nghị của Hội đồng về những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các sản phẩm khoa học công nghệ chính với những chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật tương ứng phải đạt; số lượng chuyên gia cần thiết để tham gia thực hiện (nếu có); phương thức khoán chi (khoán đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán từng phần) và các điểm cần lưu ý chỉnh sửa khác trong nội dung thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Biên bản họp Hội đồng có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và xác nhận của Sở Khoa học và Công nghệ (theo mẫu).

10. Kết quả họp Hội đồng được thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi kết thúc phiên họp. Tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi họp Hội đồng và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tiến hành thẩm định kinh phí.

Điều 16. Tổ thẩm định kinh phí

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ (gọi tắt là Tổ thẩm định). Tổ thẩm định có 05 thành viên, trong đó:

a) Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì phiên họp là đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Các thành viên còn lại là đại diện Sở Tài chính; đại diện ủy viên phản biện của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp; đại diện Phòng chuyên môn và Kế toán thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Ngoài ra, theo yêu cầu thực tiễn, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể mời thêm đại diện các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp của Tổ thẩm định.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình bày những nội dung đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của Hội đồng tại phiên đánh giá hồ sơ, trả lời các câu hỏi của thành viên Tổ thẩm định, đề xuất chấp nhận phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

4. Tổ thẩm định thảo luận, thẩm định sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, dự toán kinh phí của nhiệm vụ với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: Chi phí công cho các thành viên thực hiện; chi phí thuê chuyên gia (nếu có); kinh phí

hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện. Tổ chức kiểm tra, xác minh phần kinh phí đối ứng ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

5. Thư ký hành chính giúp Tổ thẩm định hoàn thiện biên bản thẩm định (theo mẫu).

Điều 17. Phê duyệt nhiệm vụ và ký hợp đồng khoa học và công nghệ

1. Chủ nhiệm và tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thiện hồ sơ theo biên bản thẩm định kinh phí và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định.

2. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và Tổ thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt: tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, thời gian thực hiện, kinh phí và phương thức khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi ký quyết định phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp và đăng tải tối thiểu 60 ngày trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH-CN với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ (theo mẫu).

Điều 18. Lưu giữ hồ sơ gốc và quản lý thông tin

1. Khi kết thúc quá trình tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Thư ký hành chính của các Hội đồng có trách nhiệm tổng hợp tài liệu (kể cả các hồ sơ không trúng tuyển) để lưu trữ theo quy định hiện hành.

2. Thành viên Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, Thư ký hành chính và các tổ chức, cá nhân liên quan phải tuân thủ các quy định về quy trình tuyển chọn, giao trực tiếp giữ bí mật các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá, tuyển chọn tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương IV KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 19. Kiểm tra, đánh giá thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trong quá trình triển khai thực hiện, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời

phát hiện và chấn chỉnh những sai sót làm ảnh hưởng đến mục tiêu, nội dung, tiến độ kế hoạch, kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.

2. Định kỳ 6 tháng 1 lần, các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm gửi báo cáo cho Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện và tiến độ giải ngân kinh phí (*Báo cáo theo mẫu*).

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan, cơ quan đề xuất đặt hàng (nếu có) tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí theo hợp đồng đã ký; trường hợp kiểm tra đột xuất sẽ thông báo cho tổ chức chủ trì trước 01 ngày làm việc.

4. Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp kết quả, đề xuất phương án xử lý cần thiết. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản (theo mẫu) và là căn cứ để Sở Khoa học và Công nghệ xem xét việc đình chỉ hoặc tiếp tục triển khai thực hiện, điều chỉnh bổ sung và thanh lý hợp đồng.

Điều 20. Điều chỉnh hợp đồng

1. Tổ chức chủ trì được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí trong tổng kinh phí được giao khoán theo quy định.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh về tổ chức chủ trì, tên, mục tiêu, sản phẩm, thời gian thực hiện nhiệm vụ (trường hợp không quy định tại khoản 3 điều này), tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được phê duyệt trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ, dự toán các khoản kinh phí trong tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được phê duyệt và các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng đã ký trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng.

5. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của cơ quan đề xuất đặt hàng trước khi quyết định điều chỉnh.

Điều 21. Chấm dứt hợp đồng

Các trường hợp chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm:

1. Đề xuất của chủ nhiệm nhiệm vụ, tổ chức chủ trì hoặc ý kiến của cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì (nếu có) về việc chấm dứt thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: Nhiệm vụ KH-CN gặp các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... dẫn đến không thể hoàn thành.

2. Chấm dứt thực hiện hợp đồng khi có sự vi phạm hợp đồng: các điều kiện theo hợp đồng không được bảo đảm dẫn đến nhiệm vụ KH-CN không có khả năng hoàn thành; nhiệm vụ KH-CN thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu theo hợp đồng đã ký kết; kinh phí bị sử dụng sai mục đích.

3. Chấm dứt thực hiện hợp đồng khi có căn cứ cho rằng Chủ nhiệm nhiệm vụ KH-CN và Tổ chức chủ trì không đủ năng lực tổ chức quản lý; hướng nghiên cứu bị bế tắc, không còn nhu cầu nghiên cứu.

4. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ KH-CN là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

5. Tổ chức, cá nhân bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH-CN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

6. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH-CN theo quy định pháp luật.

7. Căn cứ quyết định chấm dứt thực hiện hợp đồng, Sở Khoa học và Công nghệ, Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ KH-CN thực hiện việc thanh lý hợp đồng theo quy định hiện hành.

Điều 22. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh cho Sở Khoa học và Công nghệ. Nội dung đánh giá, gồm:

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng, ...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn).

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

2. Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp:

a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu có liên quan đến nhiệm vụ.

b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật.

c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và lô-gíc khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh

trung thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

3. Yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ:

Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

a) Đối với sản phẩm là: mẫu; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với Tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

b) Đối với sản phẩm là: nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế-kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi Hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thành lập.

c) Đối với sản phẩm là: kết quả tham gia đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế, công bố, xuất bản và các sản phẩm tương tự khác cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp.

4. Kết quả tự đánh giá, xếp loại theo các mức: "Xuất sắc"; "Đạt" hoặc "Không đạt".

5. Kết quả tự đánh giá được tổng hợp và báo cáo (theo mẫu).

6. Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà Hồ sơ tự đánh giá ở mức "Không đạt" sẽ được Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức xem xét, xử lý.

Điều 23. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh bao gồm:

1. Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ.

4. Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).

5. Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...), sổ nhật ký của nhiệm vụ.

6. Văn bản xác nhận về sự thoả thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong Danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

8. Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

9. Các tài liệu khác (nếu có).

Các biểu mẫu do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 24. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Thời hạn nộp hồ sơ: Việc nộp hồ sơ thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng (nếu có).

2. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Khoa học và Công nghệ, gồm: 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và 01 bản điện tử lưu trữ đầy đủ sản phẩm và các báo cáo chuyên đề của hồ sơ ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không đặt mật khẩu).

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho Tổ chức chủ trì tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định thì Tổ chức chủ trì phải bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 25. Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh (sau đây gọi là tổ chuyên gia) được thành lập trong trường hợp nhiệm vụ có sản phẩm đo kiểm được. Tổ chuyên gia có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh (sau đây gọi là Hội đồng) có 09 đến 11 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu cần), 02 ủy viên phản biện, các ủy viên và ủy viên thư ký khoa học. Cơ cấu Hội đồng gồm:

a) 2/3 thành viên là người có chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) 1/3 thành viên là đại diện của cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức có liên quan.

c) Thành viên Hội đồng làm việc tại Tổ chức chủ trì có thể tham gia Hội đồng nhưng không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học.

d) Các thành viên, đặc biệt là các uỷ viên phản biện, đã tham gia Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương ứng.

e) Sở Khoa học và Công nghệ cử 01 chuyên viên làm thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng.

f) Tùy theo từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện tổ chức ứng dụng kết quả của nhiệm vụ, cơ quan quản lý, địa phương và doanh nghiệp tham dự phiên họp của Hội đồng.

g) Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ không được tham gia hội đồng.

4. Tổ chuyên gia có 03 thành viên gồm các thành viên của Hội đồng do chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng làm tổ trưởng.

5. Nội dung đánh giá của Hội đồng là các nội dung Tổ chức chủ trì đã tự đánh giá được quy định tại Điều 22 Quy định này.

6. Phiên họp Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 thành viên hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch được ủy quyền, 02 uỷ viên phản biện và uỷ viên thư ký khoa học.

7. Tại phiên họp Hội đồng Tổ trưởng tổ chuyên gia báo cáo kết quả thẩm định đối với nhiệm vụ (nếu có); các uỷ viên phản biện đọc nhận xét đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ; Uỷ viên thư ký khoa học đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có); các thành viên hội đồng nêu ý kiến trao đổi về kết quả nhiệm vụ.

8. Hội đồng đánh giá theo tiêu chí trong phiếu đánh giá theo mẫu và bỏ phiếu xếp loại theo các mức: "Xuất sắc"; "Đạt" hoặc "Không đạt".

a) Mức "Xuất sắc" nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức "Xuất sắc" và không có thành viên đánh giá ở mức "Không đạt".

b) Mức "Không đạt" nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá mức "Không đạt".

c) Mức "Đạt" nếu nhiệm vụ không thuộc điểm a và điểm b Khoản này.

Trường hợp Hội đồng đánh giá xếp loại "Không đạt", Hội đồng có trách nhiệm xem xét, xác định những công việc đã thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt và các hợp đồng thực hiện công việc có liên quan, làm rõ nguyên nhân "Không đạt" (chủ quan, khách quan). Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản.

9. Biên bản nghiệm thu có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và xác nhận của Sở Khoa học và Công nghệ (theo mẫu) được gửi cho tổ chức chủ trì trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Điều 26. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hội đồng đánh giá ở mức "Đạt" trở lên, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm và tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ theo ý kiến kết luận của Hội đồng nghiệm thu và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá mức "Đạt" trở lên sẽ được quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng ngân sách nhà nước được kiểm kê và bàn giao theo quy định hiện hành.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ bị đánh giá mức "Không đạt", Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào ý kiến tư vấn của Hội đồng nghiệm thu về các lý do chủ quan, khách quan, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành.

3. Việc công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

4. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có kết quả thực hiện nhiệm vụ bị đánh giá ở mức "Không đạt" hoặc không gửi Hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ đúng thời gian quy định sẽ bị hạn chế quyền đăng ký xét giao trực tiếp hoặc tuyển chọn nhiệm vụ cấp tỉnh theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

Điều 27. Đăng ký, lưu giữ và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH-CN

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ (thuộc sở Khoa học và Công nghệ) về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh thuộc danh mục bí mật nhà nước được đăng ký, lưu giữ theo chế độ mật.

2. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH-CN

a) Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ, bao gồm:

- Biên bản họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu;
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ;

- Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu;
- Ý kiến của các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập (nếu có).

b) Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Sở Khoa học Công nghệ có trách nhiệm xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ (theo mẫu).

Điều 28. Thanh lý hợp đồng

1. Trường hợp chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 21.

Căn cứ quyết định chấm dứt thực hiện hợp đồng, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thanh lý hợp đồng với Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm nhiệm vụ KH-CN theo quy định hiện hành.

2. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thanh lý sau khi có quyết định công nhận kết quả của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; giấy chứng nhận đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương V QUẢN LÝ KINH PHÍ

Điều 29. Quản lý kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm.

2. Hàng năm căn cứ vào dự toán ngân sách được giao và quyết định phê duyệt kinh phí cho từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Tài chính thẩm tra dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho Sở Khoa học và Công nghệ và cho các cơ quan, đơn vị.

3. Việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 30. Lập, thẩm tra, phê duyệt kinh phí

1. Quy trình lập, phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho các tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Dự toán kinh phí cho từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định căn cứ vào định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí của nhiệm vụ theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh; căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước.

3. Chi và kiểm soát chi kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ khoán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ và quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 31. Cấp phát kinh phí

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH-CN được cấp theo tiến độ cấp kinh phí quy định trong Hợp đồng nghiên cứu vào tài khoản của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ được cấp tiếp kinh phí cho năm tiếp theo khi đã hoàn thành việc thanh quyết toán kinh phí cấp cho năm trước đó. Kinh phí của mỗi nhiệm vụ KH-CN được tạm giữ lại bằng 5% trên tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH-CN và sẽ được cấp sau khi nhiệm vụ được nghiệm thu cấp tỉnh với kết quả ở mức "Đạt" trở lên và giao nộp đầy đủ sản phẩm theo Hợp đồng khoa học và công nghệ.

Điều 32. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH-CN được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 33. Kinh phí thu hồi và kinh phí do bán sản phẩm của nhiệm vụ

Việc thu hồi kinh phí đối với dự án sản xuất thử nghiệm và xử lý kinh phí do bán sản phẩm của nhiệm vụ thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 34. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổ chức xác định Danh mục các nhiệm vụ KH-CN; tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH-CN; ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH-CN; kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ; điều chỉnh hợp đồng; đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH-CN; xử lý theo thẩm quyền (trường hợp chấm dứt hợp đồng, nhiệm vụ KH-CN nghiệm thu ở mức "Không đạt",...).

2. Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định kinh phí, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí của từng nhiệm vụ.

3. Mời đại diện cơ quan đề xuất đặt hàng, đại diện sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu tham dự các cuộc họp Hội đồng xác định nhiệm vụ; Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp; Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH-CN.

4. Chủ trì cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH-CN.

5. Hướng dẫn các văn bản pháp luật của nhà nước, các biểu mẫu phục vụ công tác quản lý các nhiệm vụ KH-CN một cách thống nhất trên địa bàn tỉnh.

6. Chủ trì và phối hợp với các bên liên quan chuyển giao kết quả nghiên cứu để ứng dụng vào thực tiễn.

7. Báo cáo UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH-CN.

8. Lưu giữ hồ sơ thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Điều 35. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH-CN trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Căn cứ vào dự toán ngân sách Trung ương phân bổ, trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, tổng hợp và cân đối kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bố trí kinh phí sự nghiệp KH-CN hàng năm theo quy định.

Điều 36. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ với Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ.

3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ; Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý.

5. Tiếp nhận và chịu trách nhiệm triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KH-CN do cơ quan đề xuất đặt hàng vào thực tiễn. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh kết quả ứng dụng (qua Sở Khoa học và Công nghệ).

Điều 37. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

1. Hàng năm, trên cơ sở nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của ngành, địa phương, chủ động đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ KH-CN cấp tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát và đôn đốc các Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm nhiệm vụ triển khai thực hiện nhiệm vụ.

KH-CN trên địa bàn hoặc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở, ngành, địa phương mình thực hiện đúng những cam kết trong Hợp đồng.

3. Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, phương tiện, cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH-CN thực hiện có kết quả các nhiệm vụ KH-CN được giao.

4. Chịu trách nhiệm về kết quả nghiên cứu và hiệu quả ứng dụng của các nhiệm vụ KH-CN do Sở, ban, ngành, địa phương mình chủ trì thực hiện. Tổ chức tiếp nhận và có kế hoạch tuyên truyền phổ biến, khai thác sử dụng, nhân rộng kết quả nhiệm vụ KH-CN do mình đề xuất đặt hàng hoặc thụ hưởng kết quả nghiên cứu. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh kết quả ứng dụng (qua Sở Khoa học và Công nghệ).

Điều 38. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo hợp đồng đã ký.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định hiện hành. Việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ phải được Sở Khoa học và Công nghệ chấp thuận bằng văn bản.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Sở Khoa học và Công nghệ; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với Chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Sở Khoa học và Công nghệ và trách nhiệm của bên đặt hàng với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho Chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Đảm bảo các điều kiện cần thiết để chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thành các bước đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định này.

9. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu đúng thời hạn quy định.

10. Cùng Chủ nhiệm nhiệm vụ phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nhiệm vụ đã được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

11. Thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 1, Điều 27 Quy định này.

12. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

13. Tổ chức quản lý, khai thác các kết quả của nhiệm vụ, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH-CN theo quy định về bảo vệ bí mật của Nhà nước.

15. Kết quả của nhiệm vụ KH-CN do tổ chức chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

Điều 39. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo hợp đồng đã ký.

2. Ký hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ theo cam kết trong hợp đồng với tổ chức chủ trì và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

5. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (06 tháng một lần), báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với tổ chức chủ trì.

7. Thực hiện các quy định chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Bảo đảm tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin và số liệu trong các sản phẩm khoa học và công nghệ và hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ.

8. Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH-CN theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước.

9. Cùng tổ chức chủ trì nhiệm vụ phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này.
2. Các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố, các tổ chức sự nghiệp nhà nước thuộc tỉnh được vận dụng Quy định này để quản lý các nhiệm vụ KH-CN cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



HỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng